TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2024/DSST Ngày: 31/01/2024 "V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Nam
2. Ông Lê Văn Đáng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 02/10/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-DS, ngày 05/01/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2024/QĐST-DS, ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Ngọc M, sinh năm 1984; có mặt
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Bị đơn: Bà Thạch Thị Sa R1, sinh năm 1971; có mặt
Tên thường gọi: Sa R
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu phiên dịch tiếng Khmer.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc M trình bày và yêu cầu như sau:

Năm 2019, chị có cho bà Sa R1 mượn tiền nhiều lần, đến ngày 04/3/2021 mới chốt nợ là 24.000.000 đồng, chị viết nội dung biên nhận, bà Sa R1 ký tên vào biên nhận tại nhà chị, có mẹ chị, ngoài ra không có ai khác. Bà Sa R1 mượn tiền là để chi tiêu trong gia đình, sau khi chốt nợ bà Sa R1 thoả thuận, không trả lãi mà trả vốn hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, từ tháng 4 đến tháng 8/2021 bà Sa R1 trả được 5.500.000 đồng còn nợ 18.500.000 đồng, từ đó đến nay

bà Sa R1 không trả, chị đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả, nay chị yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Sa R1 phải trả 18.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Theo các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn bà Thạch Thị Sa R1 (S) trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà Sa R1 thừa nhận có vay tiền của chị Thạch Thị Ngọc M năm 2019, bà hỏi tiền góp ngày của chị M với số tiền là 3.000.000 đồng, góp 01 ngày 150.000 đồng, góp 24 ngày là xong, sau đó vay tiếp lần 02 là 3.000.000 đồng, cũng góp 01 ngày 150.000 đồng, góp được 16 - 17 ngày, lần 03 vay 3.000.000 đồng, góp được 18 ngày, lần 04 vay 3.000.000 đồng góp được 20 ngày, không có tiền góp nữa, bà đi làm thuê ở Đồng Nai, chị M cộng lại tất cả bà còn nợ là 8.500.000 đồng, tính lãi một tháng là 2.400.000 đồng, bà xin trả 2.000.000 đồng một tháng, nhưng bà trả nhiều lần trong 01 tháng mới được 2.000.000 đồng và trả được 05 tháng tiền lãi. Năm 2021, chị M kêu bà chốt nợ là 24.000.000 đồng và ký biên nhận thì bà có ký tên bằng mực đen, nhưng lúc ký tên thì chị M chưa viết nội dung. Nay chị M cho rằng bà vay 24.000.000 đồng, trả được 5.500.000 đồng là không đúng vì bà không vay và nợ số tiền 24.000.000 đồng, mà đây là tiền vốn cộng lãi. Bà chỉ thừa nhận nợ 8.500.000 đồng, đã trả 6.500.000 đồng, còn nợ 2.000.000 đồng nhưng hôm nay bà chấp nhận cộng vốn, lãi là 10.000.000 đồng, trả được 6.500.000 đồng và chấp nhận trả tiếp 3.500.000 đồng, chị M yêu cầu trả 18.500.000 đồng bà không chấp nhận. Về giấy tờ chứng minh thì bà không có giấy tờ gì chứng minh. Vì khi trả tiền chị M không có ký giấy tờ gì và cũng không ai chứng kiến việc trả tiền.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc bà Thạch Thị Sa R1 (S) phải trả số tiền vay còn nợ là 18.500.000 đồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Thạch Thị Sa R1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị M yêu cầu bà Sa R1 phải trả số tiền vay còn nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về biên nhận đề ngày 04/3/2021. Biên nhận này bà Sa R1 đã thừa nhận có vay tiền, có nợ và có ký nhận nợ nhưng bà Sa R1 cho rằng khi ký biên nhận thì chị M không ghi nội dung, nội dung chị M viết bà nợ 24.000.000 đồng là sau khi bà ký tên, nay bà không thừa nhận có vay và nợ 24.000.000 đồng, mà 24.000.000 đồng là vốn và lãi. Tiền vốn bà nợ 8.500.000 đồng nhưng bà Sa R1 không có căn cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

- Xét về số tiền đã trả: Bà Sa R1 cho rằng sau khi ký biên nhận bà có trả nhiều lần được 6.500.000 đồng, chị M thì cho rằng bà Sa R1 trả 5.500.000 đồng, việc giao nhận tiền hai bên không làm biên nhận, không ai chứng kiến việc bà Sa R1 trả tiền sau khi ký biên nhận.

- Xét lời khai của bà Sa R1 tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng lời khai của bà Sa R1 chưa đủ chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Cụ thể: Bà Sa R1 cho rằng vay tiền góp 04 lần mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng 12.000.000 đồng, do bà góp không đầy đủ nên chị M cộng lại bà còn nợ 8.500.000 đồng, khi chốt nợ ký biên nhận thì chị M cộng tiền lãi thêm thành 24.000.000 đồng, phía chị M thì không thừa nhận 24.000.000 đồng là tiền gốc và lãi nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Sa R1.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số nợ bà Sa R1 nợ chị M là 24.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 04/3/2021 đã trả được 5.500.000 đồng, còn nợ 18.500.000 đồng nên buộc bà Sa R1 phải có nghĩa vụ trả tiếp chị M số tiền vay còn nợ là 18.500.000 đồng. Về tiền lãi chị M không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị M được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà Sa R1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các Điều 35; 39; 147; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc M.

Buộc bà Thạch Thị Sa R1 trả chị Thạch Thị Ngọc M số tiền vay còn nợ là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Chị Thạch Thị Ngọc M không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 462.500 đồng (Bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0019062 ngày 25/9/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

- Bà Thạch Thị Sa R1 phải chịu 462.500 đồng (Bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh